TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13- GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/DS-ST
Ngày 15/9/2025
"V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13- GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hồng Minh;
2. Ông Nguyễn Hữu Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13- Gia Lai.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại C N, phường A, tỉnh Gia Lai (trụ sở Ủy ban nhân dân phường A cũ), Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-DS ngày 15/8/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân D, sinh năm 1971; số định danh cá nhân 064171000995; nơi thường trú: Tổ C N, phường A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- Bị đơn: Ông Đỗ Hữu T, sinh năm 1975; nơi thường trú: Tổ B A, phường A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân D trình bày: Vào ngày 01/8/2018 ông Đỗ Hữu T có vay của tôi 550.000.000đ, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất vay 1%/tháng. Hết thời hạn vay ông T không trả cho tôi cả tiền gốc và tiền lãi. Tôi đã nhiều lần yêu cầu trả nhưng ông T lấy lý do khó khăn về kinh tế hết lần này đến lần khác hẹn nợ. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả cho tôi tiền gốc còn nợ là 550.000.000đ và tiền lãi từ ngày 01/8/2018 đến nay là 550.000.000đ x 85 tháng x 1%/tháng = 467.500.000đ.

2. Bị đơn ông Đỗ Hữu T đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, nhiều lần triệu tập hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên không trình bày được ý kiến của mình về nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân D yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn ông Đỗ Hữu T, sinh năm 1975; nơi thường trú: Tổ B A, phường A, tỉnh Gia Lai, phải trả tiền còn nợ từ hợp đồng vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13- Gia Lai.

[2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Các bên không có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn: Căn cứ lời khai, các tài liệu có tại hồ sơ, đối chiếu với các quy định của pháp luật có liên quan và xem xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy rằng:

[4.1] Theo "Giấy nhận nợ" ghi ngày 01/8/2018 thể hiện nội dung ông Đỗ Hữu T có vay của bà Nguyễn Thị Xuân D 550.000.000đ, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 1%/tháng. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, hết thời hạn vay nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 466, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

[4.2] Về số tiền gốc còn nợ và nghĩa vụ trả: Bị đơn không trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu nào chứng minh đã trả tiền nợ gốc, nên xác định số tiền gốc bị đơn còn nợ và có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn theo "Giấy nhận nợ" là 550.000.000đ.

[4.3] Về số tiền lãi bị đơn có nghĩa vụ trả: Do đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi theo mức lãi suất 1%/tháng từ thời điểm vay cho đến nay là phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Tiền lãi tính từ ngày 01/8/2018 đến ngày 15/9/2025 mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả 550.000.000đ x 85 tháng x 1%/tháng = 467.500.000đ, là phù hợp nên cấp nhận.

Ngoài ra kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bị đơn còn phải trả lãi theo mức lãi suất 01%/tháng của số tiền gốc chưa thi hành và trả lãi theo mức lãi suất 10%/năm của số tiền lãi chưa thi hành, theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận là 36.000.000đ + (3% x 217.500.000đ) = 42.525.000đ. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về yêu cầu của nguyên đơn: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Đỗ Hữu T phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân D số tiền còn nợ từ hợp đồng vay là 1.017.500.000đ (một tỷ, không trăm mười bảy triệu, năm trăm nghìn đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 550.000.000đ (năm trăm năm mươi triệu đồng) và tiền nợ lãi tính đến ngày 15/9/2025 là 467.500.000đ (bốn trăm sáu mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất 01%/tháng và chịu tiền lãi trên số tiền lãi còn phải thi hành nêu trên theo mức lãi suất 10%/năm.

2. Về án phí: Bị đơn ông Đỗ Hữu T phải nộp 42.525.000đ (bốn mươi hai triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà D tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.971.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 006568 ngày 27/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Khê, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13-Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 15/9/2025. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 13-Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 13-Gia Lai;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Thảo